

# GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ CỤ THỂ LIÊN QUAN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ CHỨNG THỰC (KỶ 2)

*ThS. Liêng Bích Ngọc* (\*)

## **Câu 1. Bản sao y bản chính có thể dùng để chứng thực không?**

*Bản sao y bản chính có giá trị pháp lý như bản chính phải không? Vậy giấy tờ đã được chứng nhận sao y bản chính (như giấy khai sinh) để làm chứng thực bản sao được không ?*

### **Trả lời**

Khoản 2 điều 3 Nghị định 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định: “Bản sao được chứng thực từ bản chính theo quy định tại Nghị định này có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.” Như vậy, bạn có thể hiểu bản sao được chứng thực từ bản chính chỉ có giá trị pháp lý như bản chính trong trường hợp sử dụng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch.

Theo quy định tại điều 18 Nghị định 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch thì chỉ bản chính giấy tờ, văn bản thuộc quy định trên mới được làm cơ sở để chứng thực bản sao từ bản chính. Vì vậy, bạn không thể lấy bản sao khai sinh để chứng thực.

## **Câu 2. Thủ tục chứng thực sơ yếu lý lịch**

*Tôi muốn chứng thực sơ yếu lý lịch để đi xin việc nhưng không có thời gian để đi chứng thực. Mẫu sơ yếu lý lịch tôi tự mua bên ngoài rồi điền thông tin vào thôi, khi chứng thực cần phải có chữ ký của tôi trước mặt cán bộ. Vậy thì tôi có thể đưa Chứng minh dân dân rồi nhờ người quen đi chứng thực giúp được không ạ?*

---

(\*) Giảng viên Khoa Quản lý Hành chính, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

## **Trả lời**

Điều 24, Nghị Định 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định về thủ tục chứng thực chữ ký như sau:

“1. Người yêu cầu chứng thực chữ ký của mình phải xuất trình các giấy tờ sau đây:

a) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng;

b) Giấy tờ, văn bản mà mình sẽ ký.

2. Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ yêu cầu chứng thực, nếu thấy đủ giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và việc chứng thực không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 25 của Nghị định này thì yêu cầu người yêu cầu chứng thực ký trước mặt và thực hiện chứng thực như sau:

a) Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký theo mẫu quy định;

b) Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực.

4. Thủ tục chứng thực chữ ký quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng được áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Chứng thực chữ ký của nhiều người trong cùng một giấy tờ, văn bản;

b) Chứng thực chữ ký của người khai lý lịch cá nhân;

c) Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập theo quy định của pháp luật;

d) Chứng thực chữ ký trong Giấy ủy quyền đối với trường hợp ủy quyền không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản.

Căn cứ vào quy định trên, bạn cần trực tiếp ký trước cán bộ công chức tại bộ phận một cửa đối với chứng thực chữ ký của người khai lý lịch cá nhân chứ không thể nhờ người khác đi chứng thực được.

### **Câu 3. Địa điểm chứng thực hợp đồng ủy quyền**

*Công dân muốn chứng thực hợp đồng ủy quyền mà một bên đương sự có sức khỏe già, yếu không thể đến trực tiếp ký thì phải giải quyết như thế nào?*

#### **Trả lời**

Điều 10, Nghị Định 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định về địa điểm chứng thực như sau:

“1. Việc chứng thực được thực hiện tại trụ sở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực, trừ trường hợp chứng thực di chúc, chứng thực hợp đồng, giao dịch, chứng thực chữ ký mà người yêu cầu chứng thực thuộc diện già yếu, không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác.

2. Khi thực hiện chứng thực phải ghi rõ địa điểm chứng thực; trường hợp chứng thực ngoài trụ sở phải ghi rõ thời gian (giờ, phút) chứng thực.”

Căn cứ theo quy định trên, đối với người thuộc diện già yếu, không thể đi lại được thì việc chứng thực hợp đồng ủy quyền có thể thực hiện tại nơi thường trú của người đó hoặc địa điểm thích hợp khác.

### **Câu 4. Việc chứng thực giấy bán xe**

*Tôi muốn chứng thực chữ ký trong giấy bán cho tặng xe cá nhân theo yêu cầu của công an tỉnh. Tuy nhiên, khi đến UBND xã yêu cầu chứng thực chữ ký thì họ từ chối vì lý do giấy bán có nội dung hợp đồng nên không chứng thực chữ ký và giới thiệu lên phòng công chứng. Tôi lên phòng công chứng thì phòng cũng từ chối và giới thiệu về UBND xã. Xin hỏi quy định của pháp luật hiện nay như thế nào? Tôi phải đến đâu để chứng thực, công chứng được?*

#### **Trả lời**

Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 Thông tư số 15/2014/TT-BCA quy định về đăng ký xe thì giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân được công chứng hoặc chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với chữ ký của người bán, cho, tặng xe theo quy định của pháp luật về chứng thực.

Điều 25 Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định trường hợp “Giấy tờ, văn bản có nội dung là hợp đồng, giao dịch, trừ các trường hợp quy định tại Điểm d Khoản

4 Điều 24 của Nghị định này hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác” không được chứng thực chữ ký (khoản 4) . Do đó việc Ủy ban nhân dân xã từ chối chứng thực là tuân thủ đúng quy định trên.

Điều 40 Luật Công chứng 2014 quy định công chứng hợp đồng, giao dịch đã được soạn thảo sẵn như sau:

“1. Hồ sơ yêu cầu công chứng được lập thành một bộ, gồm các giấy tờ sau đây:

a) Phiếu yêu cầu công chứng, trong đó có thông tin về họ tên, địa chỉ người yêu cầu công chứng, nội dung cần công chứng, danh mục giấy tờ gửi kèm theo; tên tổ chức hành nghề công chứng, họ tên người tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng, thời điểm tiếp nhận hồ sơ;

b) Dự thảo hợp đồng, giao dịch;

c) Bản sao giấy tờ tùy thân của người yêu cầu công chứng;

d) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó;

đ) Bản sao giấy tờ khác có liên quan đến hợp đồng, giao dịch mà pháp luật quy định phải có.

2. Bản sao quy định tại khoản 1 Điều này là bản chụp, bản in hoặc bản đánh máy có nội dung đầy đủ, chính xác như bản chính và không phải chứng thực.

3. Công chứng viên kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu công chứng. Trường hợp hồ sơ yêu cầu công chứng đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật thì thụ lý và ghi vào sổ công chứng.

4. Công chứng viên hướng dẫn người yêu cầu công chứng tuân thủ đúng các quy định về thủ tục công chứng và các quy định pháp luật có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng, giao dịch; giải thích cho người yêu cầu công chứng hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc tham gia hợp đồng, giao dịch.

5. Trong trường hợp có căn cứ cho rằng trong hồ sơ yêu cầu công chứng có vấn đề chưa rõ, việc giao kết hợp đồng, giao dịch có dấu hiệu bị đe dọa, cưỡng ép, có sự nghi ngờ về năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu công chứng hoặc đối tượng của hợp đồng, giao dịch chưa được mô tả cụ thể thì công chứng viên đề nghị

người yêu cầu công chứng làm rõ hoặc theo đề nghị của người yêu cầu công chứng, công chứng viên tiến hành xác minh hoặc yêu cầu giám định; trường hợp không làm rõ được thì có quyền từ chối công chứng.

6. Công chứng viên kiểm tra dự thảo hợp đồng, giao dịch; nếu trong dự thảo hợp đồng, giao dịch có điều khoản vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội, đối tượng của hợp đồng, giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật thì công chứng viên phải chỉ rõ cho người yêu cầu công chứng để sửa chữa. Trường hợp người yêu cầu công chứng không sửa chữa thì công chứng viên có quyền từ chối công chứng.

7. Người yêu cầu công chứng tự đọc lại dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc công chứng viên đọc cho người yêu cầu công chứng nghe theo đề nghị của người yêu cầu công chứng.

8. Người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo hợp đồng, giao dịch thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch. Công chứng viên yêu cầu người yêu cầu công chứng xuất trình bản chính của các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này để đối chiếu trước khi ghi lời chứng, ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch.”

Như vậy theo quy định trên bạn đến văn phòng công chứng để thực hiện việc công chứng hợp đồng mua bán xe.